**CHIẾN DỊCH LÊ HỒNG PHONG - BẾN CÁT (10/1950) - NƠI HOÀN THIỆN CÁCH ĐÁNH ĐẶC CÔNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG KHU 7**

 **Nguyễn Quang Huy (\*)**

 *Tân Uyên - Chiến khu Đ là nơi khởi phát, hình thành cách đánh đặc công. Du kích Tân Uyên với cách nghĩ sáng tạo đã tạo ra một cách đánh mới, hiệu quả cao, lấy lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh. qua nhiều trận đánh cùng với việc tổng kết đúc rút kinh nghiệm của bộ đội ta, cách đánh đặc công dần hình thành. đến trận đánh đồn Rạch Kiến, khi chiến sĩ Nguyễn Văn Rỡ dùng mìn pê ta phá hủy khẩu pháo 105 ly, đánh sâu vào hậu cứ địch, xung kích mở đường cho bộ binh diệt địch trong chiến dịch Bến Cát, cách đánh đặc công cơ bản hoàn thiện. Cách đánh đặc công là cách đánh mới, một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân và dân Khu 7. Từ đây, cách đánh sáng tạo này được nhân rộng ra trong toàn miền Đông Nam bộ, Nam bộ và cả nước. Lực lượng đặc công ra đời là kết quả của sự phát triển, của cách đánh và là nhân tố làm cho cách đánh biến đổi về chất, phát triển chiến tranh nhân dân Việt Nam. Ngày 19/3/1948 - ngày chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ nhất sau này được lấy làm ngày truyền thống binh chủng đặc công của quân đội nhân dân Việt Nam.*

**Chiến thuật tháp canh của thực dân Pháp:**

Sau thất bại ở Việt Bắc vào cuối năm 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh. Từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, chuyển sang chiến lược đánh lâu dài, tiếp tục thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”; từ mở rộng phạm vi hoạt động chuyển sang củng cố vùng chiếm đóng. Đối với Pháp, Nam bộ được xem là nơi “bình định” trọng điểm trong suốt quá trình tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, biến Nam bộ thành kho dự trữ chiến lược cho cuộc chiến tranh. Về mặt chiến lược, Pháp xác định Đông Nam bộ là chiến trường quan trọng, là cửa ngõ phía đông, phía tây và phía tây bắc Sài Gòn, là vùng nối liền Nam bộ với các tỉnh ven biển miền Trung và khu vực Tây nguyên rộng lớn, tiếp giáp với chiến trường Campuchia về phía Đông Bắc.

Với ý đồ chiến lược trên, Nam bộ mà đặc biệt là Đông Nam bộ đã được thực dân Pháp ưu tiên đưa vào “tầm ngắm” trong chính sách bình định suốt quá trình tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chúng thay thế những cuộc hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ, ra sức củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân, tranh thủ viện trợ, trong đó chúng thực hiện triệt để chiến thuật Đờ Latua.

(\*) *Ban Tuyên giáo TU Bình Dương. Email: quangnguyen18881@gmail.com*

Đờ Latua (Pierre Boyer De Latour du Moulin) là một trong những viên tướng nổi tiếng ở Pháp, có kinh nghiệm về bình định lãnh thổ, được điều từ Marốc sang Sài Gòn chỉ huy quân Pháp ở Nam bộ từ tháng 7/1947 thay tướng Ny-ô nhằm nhanh chóng vãn hồi an ninh theo kỳ vọng của Pháp. Kế hoạch “vãn hồi” của Đờ Latua gồm 3 giai đoạn với 6 biện pháp[[1]](#footnote-1) trong đó bao gồm chiến thuật đồn bót tháp canh.

Tháp canh có cấu trúc hình vuông, mỗi cạnh dài 3m, tường xây bằng gạch cao trung bình 10m, nóc lợp tôn hoặc ngói. Tháp canh gồm 3 tầng, tầng trên cùng có lỗ châu mai. Xung quanh mỗi tháp canh bao một lũy đất dày cao 2m, có vách ken bằng các loại cây như cây dừa, tre. Bên ngoài có nhiều lớp hào lũy, kẽm gai, chông mìn, thả chó, ngỗng và hệ thống đèn chiếu sáng vào ban đêm. Cửa ra vào hẹp được đóng kín bằng các ngựa trụ và buổi tối thường được gài kèm lựu đạn. Các tháp canh cách nhau 1km, có khi gần hơn (300 - 500m) tùy địa hình, miễn sao giáp nối được khoảng cách quan sát và yểm trợ lẫn nhau khi bị tiến công. Giữa 5 - 7 tháp canh có 1 tháp canh mẹ. Tháp canh mẹ đóng ở những điểm trọng yếu, được xây dựng kiên cố hơn, thường có một tầng ngầm dưới đất, giữa có lô cốt chỉ huy. Lực lượng trong mỗi tháp canh có từ 1 tiểu đội đến 1 tiểu đội tăng cường, do 1 hạ sĩ hoặc trung sĩ chỉ huy, được trang bị súng trung liên, phóng lựu, vũ khí cá nhân và nhiều lựu đạn. Riêng tháp canh mẹ có thêm hỏa lực cầu vồng để bắn yểm trợ và trang bị máy truyền tin chỉ huy.

Ngoài các chức năng nêu trên, hệ thống tháp canh còn làm chỗ dựa để từ đó địch tổ chức càn quét sâu vào căn cứ kháng chiến, mở rộng vùng chiếm đóng, mở rộng đến đâu sẽ đóng thêm tháp canh đến đó. Để phá âm mưu bình định của Pháp, nhiệm vụ phá hệ thống tháp canh càng trở nên cấp thiết và khó khăn, bởi thực tế chiến trường miền Đông lúc đó chưa có loại vũ khí đủ uy lực công phá được tường tháp dày.

**Tân Uyên – nơi hình thành chiến thuật đặc công:**

trên địa bàn miền Đông Nam bộ, thực hiện chính sách “bình định”, đến tháng 11/1948, địch đã đóng 491 cứ điểm với 5.547 tên Pháp và lê dương; 13.664 lính ngụy. Ở Thủ Dầu Một, địch đóng tất cả 128 đồn bót (có 21 bót lính Cao Đài phản động), quân số 6.800 tên. Chúng đã mở 298 cuộc càn quét vào hầu hết các xã, gây nhiều tội ách với nhân dân[[2]](#footnote-2).

Hệ thống đồn bót tháp canh và hoạt động của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn. Chính vì vậy, việc diệt cứ điểm, đánh đồn, tháp canh là mối quan tâm thường trực của Tỉnh ủy, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ Dầu Một cũng như các tỉnh trên chiến trường miền Đông Nam bộ. Muốn phá được chính sách “bình định” của Pháp, ta phải tìm cách tiêu diệt bằng được tháp canh cùng với hệ thống phòng thủ kiên cố của chúng, trong khi ta chỉ có vũ khí thô sơ là chủ yếu. Chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Khu 7 về việc nghiên cứu cách đánh tháp canh địch, một số đơn vị trên chiến trường miền Đông Nam bộ đã thử nhiều cách đánh nhưng chưa có hiệu quả.

 Tại Tân Uyên, sau khi địch xây dựng hệ thống tháp canh, Ban Chỉ huy Huyện đội đã giao nhiệm vụ phá tháp canh cho đồng chí Trần Công An (Hai Cà), trợ lý tác chiến huyện đội. Được cơ sở nhân dân giúp đỡ, sau khi nghiên cứu kỹ cấu trúc của tháp canh và quy luật sinh hoạt hàng ngày của địch, đồng chí Trần Công An tìm cách huấn luyện để du kích có thể tiếp cận tháp canh đánh địch. Đội du kích chọn một cây độc mộc cao ở Đất Cuốc, cho du kích leo lên rọi đèn xuống các hướng. Bên dưới một số du kích thực tập bò vào tiếp cận nhiều lần đến khi nào người ngồi trên soi đèn không còn phát hiện được người ở dưới. Sau gần một tháng nghiên cứu thực tập, đội du kích báo cáo huyện đội Tân Uyên đề nghị được đánh tháp canh cầu Bà Kiên. Phương thức đánh là áp sát tường, dùng lựu đạn đánh vào các lỗ châu mai đã được huyện đội chấp thuận.

Đêm 18 rạng ngày 19/3/1948, đội du kích chia làm ba tổ, trong đó hai tổ làm nhiệm vụ chặn viện địch gồm du kích Nguyễn Văn Ai cảnh giới, sẵn sàng bắn chi viện và Trần Văn Hỏi (cơ sở mật) giữ cửa mở. Tổ đánh vào tháp canh, có ba đồng chí: Trần Công An, Hồ Văn Lung và Nguyễn Văn Nguyên, do đồng chí Trần Công An chỉ huy. Tổ được trang bị 10 quả lựu đạn trong đó 1 quả của Mỹ, 9 quả tự tạo, 1 súng trường, 1 thang tre mượn của dân. Ba chiến sĩ vượt qua các vật chướng ngại, bí mật áp sát tháp canh. Lợi dụng lúc địch thay gác, chiến sĩ ta nhanh chóng dùng thang leo lên ngang lỗ bắn, ném lựu đạn vào trong, diệt toàn bộ 10 tên địch, thu 8 khẩu súng và 20 quả lựu đạn, bí mật rời khỏi trận địa về căn cứ an toàn. Lần đầu tiên du kích đánh được tháp canh với lực lượng ít diệt gọn quân địch trong công sự vững chắc, mở ra tiền đề cho việc tổ chức lực lượng chuyên trách tiêu diệt quân địch đóng trong tháp canh ở chiến trường Nam Bộ. Tuy nhiên, trận đánh mới diệt được địch mà chưa phá hủy được tháp canh, do chưa có vũ khí đủ sức phá công sự địch.

Tháng 11/1949, trước yêu cầu phải phá vỡ hệ thống tháp canh, Bộ tư lệnh khu 7 đã mở hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh tại xã Tân Hòa - chiến khu Đ. Trong hội nghị, trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên được báo cáo kinh nghiệm. Hội nghị kết luận hai vấn đề để đánh được tháp canh là phải tiếp cận được tường tháp (vấn đề kỹ thuật) và phải có loại vũ khí sức công phá mạnh tường tháp. Từ kinh nghiệm trận đánh cầu Bà Kiên, hội nghị kết luận, kẻ địch trong tháp canh luôn luôn có sơ hở. Để phát hiện được sơ hở của địch phải dựa vào quần chúng, thực hiện trinh sát, nắm chắc địch từ tổ chức lực lượng, bố phòng, thông thạo địa hình và giỏi ngụy trang. Chiến sĩ trinh sát phải vững vàng, dũng cảm, gan dạ và linh hoạt. Phải sản xuất được loại vũ khí vừa dễ mang theo, vừa có thể áp sát tường và có sức công phá lớn. Kết luận của hội nghị quân sự khu 7 đặt cơ sở lý luận đầu tiên cho cách đánh mới.

         Cuối năm 1949, lớp huấn luyện cách đánh tháp canh được tổ chức tại Bà Đã (chiến khu Đ). Đội du kích Tân Uyên đánh tháp canh cầu Bà Kiên làm đội mẫu dưới sự hướng dẫn huấn luyện của đồng chí Bùi Cát Vũ và Trần Công An. Ba trăm cán bộ, chiến sĩ tham gia lớp huấn luyện được tuyển chọn từ các địa phương Khu 7. Cách huấn luyện là xây dựng mô hình tháp canh có quy mô tương đương của Pháp. Học viên được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt chướng ngại vật, khắc phục ánh sáng, đối phó khi địch từ tháp canh ném lựu đạn xuống… tổ chức thực tập kết hợp xây dựng lý thuyết, rút kinh nghiệm bổ sung hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ thuật. Cùng với công tác huấn luyện kỹ thuật, tập thể cán bộ, chiến sĩ Khoa quân giới Khu 7 đã nghiên cứu chế tạo một loại mìn có khả năng phá tường dày, đặt tên là F.T (phá tường). Từng bước cải tiến, dựa vào nguyên lý chế tạo đạn lõm tạo thành quả mìn lõm F.T gọn nhẹ đánh bằng kíp nổ điện.

Sau 3 tháng tập luyện thành thục, đêm 21 rạng ngày 22/3/1950, 300 chiến sĩ được chia thành 50 tổ đồng loạt đánh 50 tháp canh trên các quốc lộ 1, 15, tỉnh lộ 24, 16. Kết quả, cả 50 tháp canh đều thủng một lỗ lớn đường kính 0,6 - 1,5 mét nhưng không cái nào bị sập. Phần lớn bọn lính trong tháp canh bị chết, bị thương, trừ vài tên sống sót trên tháp canh có chòi cao.

Thắng lợi diệt hàng loạt tháp canh đối với ta được đánh giá mới đạt một nửa kết quả vì tuy diệt được địch nhưng không phá hủy được tháp canh. Kinh nghiệm được rút ra là sau khi đánh bằng F.T phải đánh bồi thêm 1 quả mìn nữa mới phá sập được tháp canh, diệt những tên còn sống sót. Binh công xưởng tiếp tục nghiên cứu và chế tạo ra loại mìn pêta (Pétard) mới để đánh sập tháp, đặt tên là F.T2.

Đêm 18 rạng 19/4/1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Huyện đội phó Trần Công An chỉ huy, có sự tham gia của Tỉnh đội phó Bùi Cát Vũ, với hai quả mìn F.T và F.T2 đã đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Đến đầu tháng 5-1950, tổ du kích Tân Uyên tiếp tục đánh sập tháp canh Vàm Giá trên lộ 14, diệt một trung đội lê dương, thu 27 súng các loại và nhiều đạn dược, quân dụng. Từ kinh nghiệm đánh tháp canh của tổ du kích Tân Uyên, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng khắp trong toàn Khu. Phong trào diệt tháp canh bằng cách đánh đặc công phát triển ở hầu hết các tỉnh Nam Bộ, hệ thống tháp canh Đờ Latua của Pháp đứng trước nguy cơ sụp đổ.

**Chiến dịch Lê Hồng Phong Bến Cát – nơi hoàn thiện cách đánh đặc công:**

Bến Cát là huyện trung du của tỉnh Thủ Dầu Một, nằm ở phía Tây Bắc Sài Gòn, có vị trí chiến lược quan trọng. Trên địa bàn huyện có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua: quốc lộ 13, liên tỉnh lộ 14, đường 7, đường 30, đường sông Sài Gòn. Bến Cát là vùng căn cứ sôi động của Khu 7 và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, là điểm nối giữa chiến khu Đ và chiến khu Dương Minh Châu và nằm trên tuyến hành lang vận tải lương thực, thực phẩm từ vùng Đồng Tháp Mười lên miền Đông Nam bộ.

Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch biên giới, nhằm tiêu diệt quân địch, mở rộng căn cứ Việt Bắc, giải phóng vùng biên giới phía Bắc, nối liền nước ta với hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trung ương ra chỉ thị cho các cấp ủy Đảng, trong đó nêu rõ chiến dịch Biên giới là một chiến dịch rất quan trọng, nhắc nhở các địa phương trong toàn quốc phải phối hợp, kiềm chế và tiêu hao lực lượng địch, ngăn không cho chúng tiếp viện.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, tháng 7-1950 Bộ chỉ huy Khu 7 quyết định mở một chiến dịch tiến công quy mô, phối hợp với chiến trường chính và Bến Cát được chọn làm trọng điểm của chiến dịch.

Chiến dịch Bến Cát (từ ngày 7/10 đến 15/10/1950 còn gọi là chiến dịch Lê Hồng Phong) là chiến dịch duy nhất mà ta mở trên chiến trường Đông Nam bộ trong suốt giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp. mục tiêu của chiến dịch nhằm cắt đứt, giải phóng đường số 7 và đường 14, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong khu, tạo đà thắng lợi, gây dựng lòng tin trong quân và dân trong khu đồng thời chia lửa với chiến dịch Biên giới. Ban chỉ huy chiến dịch được thành lập gồm các đồng chí Tô Ký, Phó Tư Lệnh Quân Khu 7, Chỉ huy trưởng; Lê Đức Anh, Chỉ huy phó kiêm tham mưu trưởng; Vũ Duy Hanh, Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, chính ủy. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: tiểu đoàn 303 (chủ lực của Quân khu 7), Tiểu đoàn 302 (đơn vị tập trung của của liên trung đoàn 301 - 310), 2 đại đội Tiểu đoàn 304 (đơn vị tập trung của liên trung đoàn 306 - 312), 2 đại đội binh chủng, 5 đại đội độc lập (902 Bến Cát, bộ đội địa phương Châu Thành, Hớn Quản, Trảng Bàng (Tây Ninh) và Hóc Môn (Gia Định)) cùng hơn 30.000 dân công hỏa tuyến các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Châu Thành, Hóc Môn phục vụ chiến trường. Tiểu đoàn 302 cùng các đội độc lập và du kích Bến Cát đã giành cả tháng để tập công đồn với mô hình đồn Bến Súc.

Trận Bến Súc (đêm 7 rạng 8/10/1950) là trận chủ yếu mở màn chiến dịch với lực lượng chủ yếu là tiểu đoàn 302, diệt được phần lớn đại đội thuộc địa, phá hủy hai phần ba đồn, nhưng do ta không diệt được xe thiết giáp của địch nên không tiêu diệt hoàn toàn đồn Bến Súc.

Trận công đồn xuất sắc của Tiểu đoàn 302 là trận tiêu diệt đồn Mát-xơ-ri, có cơ sở binh vận của công an Bến Cát làm nội ứng. Tranh thủ đúng thời cơ trung đội Âu Phi đi dã ngoại, 2 tiểu đội trinh sát của tiểu đoàn 302 bao vây đồn và buộc hai trung đội lính ngụy ra hàng, mang hết vũ khí theo kháng chiến, ta thu hai xe vũ khí và đồ dùng quân sự. Đồn bị thiêu hủy hoàn toàn. Các trận công đồn Bến Súc và Mát-xơ-ri làm cho địch ở nhiều đồn bót lân cận hoang mang, bỏ chạy.

Ngày 21/10, các tiểu đoàn 303, 302 và 304 phối hợp chặn đánh một đoàn xe lớn của địch gồm 200 chiếc trên quốc lộ 13, đốt cháy 65 xe, thu 12 xe và 11 máy thông tin vô tuyến điện. Từ cuối tháng 10 trở đi, hàng chục tháp canh của địch bị phá hủy. Đoạn đường từ Bến Súc đi Dầu Tiếng bị cắt đứt. Ngày 30/10, ta đánh chìm ba tàu (trong đoàn tàu tiếp tế) trên sông Sài Gòn.

Đợt 3 chiến dịch Bến Cát nổi bật với trận đánh đặc biệt làm vỡ nòng pháo 105 ly giữa đồn Rạch Kiến (đêm 8/11/1950). Trận đánh chỉ có 2 người là chiến sĩ trinh sát Nguyễn Văn Rỡ và người hỗ trợ là tiểu đội trưởng công binh Việt. bằng phương pháp bí mật luồn sâu, vượt rào kẽm gai, hệ thống đèn pha, tường và chó tuần tra, chiến sĩ Rỡ đã vào tận khẩu pháo giữa đồn địch đo đạc, trở ra lấy bộc phá pêta nhét vào nòng pháo địch. Pháo 105 ly bị đánh vỡ toác nòng. Trận đánh tuy nhỏ nhưng đặc sắc, đã mở ra một khả năng mới, hiệu quả trong quá trình nghiên cứu chiến thuật đánh tháp canh mà Khu 7 đang thực hiện.

Ngày 15/11, hai tiểu đoàn 302 và 303 diệt 20 xe địch và lực lượng đi hộ tống trên quốc lộ 13 (quãng từ Cây Xoài lên Chơn Thành). Sau trận đánh, ta chủ động kết thúc chiến dịch.

Kết quả Chiến dịch Lê Hồng Phong - Bến Cát đã đạt về cơ bản mục tiêu đặt ra, diệt nhiều sinh lực địch[[3]](#footnote-3), gây tác động tích cực phong trào chiến tranh nhân dân toàn chiến trường, thể hiện bước trưởng thành về công tác tham mưu, vận dụng nhiều chiến thuật; phục kích vận động, đánh công kiên, đặc biệt tiếp tục phát triển một bước mới về cách đánh tháp canh hiệu quả.

Trong Hội nghị tổng kết chiến dịch tại chiến khu Long Nguyên, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ uỷ đánh giá: *Chiến dịch Bến Cát đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng của các lực lượng vũ trang Khu 7, đưa phong trào kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam Bộ hoà nhịp với cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước.*

Chiến dịch Bến Cát đã giáng một đòn quyết định làm lung lay ý chí xâm lượng của thực dân Pháp. Chiến dịch đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra: tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá banh hệ thống tháp canh của chúng trên một phạm vi rộng lớn, làm suy yếu lực lượng địch và phá thế bao vây của chúng; làm cho Pháp lúng túng, bị động trong việc chi viện lực lượng ứng cứu cho chiến trường Bắc bộ.

Chiến dịch Bến Cát để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho lực lượng vũ trang Khu 7 về khả năng hiệp đồng tác chiến trong thời gian kéo dài; về cách đánh vận động, đánh công kiên và phối hợp trong tác chiến hiệp đồng; về công tác chuẩn bị hậu cần và huy động lực lượng kháng chiến trong quá trình tiến hành chiến dịch.

Đối với lực lượng vũ trang khu 7, chiến dịch Bến Cát đã góp phần hoàn thiện một bước cách đánh mới độc đáo và hiệu quả của chiến tranh nhân dân - chiến thuật “đặc công”[[4]](#footnote-4). Đây là cách đánh độc đáo và đầy sức sáng tạo, được kế thừa từ nghệ thuật quân sự của cha ông ta, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy chất lượng cao đánh số lượng đông của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Việc chế tạo thành công các loại mìn F.T và F.T2 của công binh xưởng Khu 7 và việc sử dụng kết hợp thành công trong việc đánh tháp canh, bước đầu đã hình thành cách đánh mới, hiệu quả trong tấn công đồn bót địch. Sự hoàn thiện các kỹ năng được các chiến sĩ ta hoàn thiện qua từng trận đánh, từ trận cầu Bà Kiên lần thứ nhất; trận đánh đồng loạt hệ thống 50 tháp canh; trận cầu Bà Kiên lần thứ hai; trận Vàm Giá và đến trận công đồn Rạch Kiến trong chiến dịch Bến Cát, chiến thuật đánh tháp canh dần được hoàn thiện. Từ đây, cách đánh đặc công được phổ biến rộng rãi ra toàn chiến trường từ miền Đông Nam bộ đến Nam bộ, Trung bộ, rồi cả nước. đồng thời, vận dụng cách đánh sáng tạo này, bộ đội ta không chỉ diệt tháp canh mà còn diệt nhiều mục tiêu khác của địch. Lực lượng vũ trang Nam Bộ đã vận dụng cách đánh đặc biệt này trong các nhiệm vụ khác nhau như trinh sát nắm địch, tập kích tháp canh, đồn bót, trừng trị ác ôn, phản động.

Cách đánh đặc công được hình thành và phát triển trong thực tiễn chiến đấu và được khẳng định là sản phẩm của chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là cách đánh tiêu biểu cho lối đánh lấy ít đánh nhiều, dùng quân cốt tinh không cốt nhiều, một cách đánh hay của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Chiến tranh nhân dân càng phát triển thì cách đánh đặc công càng phát triển mạnh, phát huy hiệu quả càng lớn. Cách đánh đặc công góp phần thúc đẩy và làm phong phú thêm phương thức tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, tạo điều kiện phát triển cách đánh đặc công. Lực lượng đặc công ra đời là kết quả của sự phát triển, của cách đánh và là nhân tố làm cho cách đánh biến đổi về chất, phát triển không ngừng của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương - *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930 - 1975)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

2. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bến Cát - *Lực lượng vũ trang huyện Bến Cát Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang (1945 - 1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1999.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương - *Tài liệu tuyên truyền Kỷ niệm 55 năm Chiến dịch Lê Hồng Phong – Bến Cát (08/10/1950 – 08/10/2005)*, 2005.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương *- Lịch sử Ngành Quân giới tỉnh Bình Dương (1945 - 1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2005.

5. Bộ Tư lệnh Đặc công - *Lịch sử Bộ đội Đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam (1945-2007)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2007.

6. Hồ Sơn Đài, chủ biên - *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương (1945 – 2005)*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

7. Hồ Sơn Đài, chủ biên - *Lịch sử Lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 – 2010)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2010.

8. Hồ Sơn Đài, chủ biên - *Lịch sử Liên trung đoàn 301 – 310 (1945 – 1950)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2007.

1. *Ba giai đoạn*: 1. Thời kỳ đẩy lùi đối phương (các tiểu đoàn chính quy Pháp đẩy lùi các đơn vị chủ lực Việt Minh, phá hủy các căn cứ địa); 2. Thời kỳ củng cố (đặt các đồn bót trên một vành đai an ninh mới); 3. Thời kỳ tiêu trừ (tái lập sinh hoạt, xây dựng các cơ sở hành chính xã ấp, tổ chức hương dõng, bảo đảm an ninh vùng chiếm đóng).

*Sáu biện pháp:* 1. Rút bỏ những khu vực hẻo lánh khó cầm giữ; 2. Dùng công giáo vũ trang chống Việt Minh; 3. Mua chuộc sự hợp tác của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên; 4. Dùng chiến thuật đồn bót tháp canh; 5. Bao vây căn cứ Đồng Tháp; 6. Bao vây kinh tế Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930 – 1975): Địch giết 639 người, bắt 1917 người, làm bị thương 300 người, hãm hiếp 227 phụ nữ, bắn chết, cướp trên 2.000 con trâu bò, đốt phá 2.171 nhà dân, cướp và đốt 8.726 giạ lúa, 14.897 lít gạo. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ta đánh trên 3.000 trận lớn nhỏ, diệt 509 tên, làm bị thương trên 100 tên, bắt 120 tên. Ta đánh sập và bức rút hơn một chục tháp canh, đồn bốt, 12 cầu cống, phá 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, đánh chìm 7 tàu thuyền chiến đấu, thu nhiều súng đạn và đồ dùng quân sự. [↑](#footnote-ref-3)
4. Cách đánh này đã được Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 302 Phạm Quang Thuần đặt tên cho cách đánh của chiến sĩ Nguyễn Văn Rỡ là “chiến thuật công đồn đặc biệt”, gọi tắt là “đặc công”. [↑](#footnote-ref-4)